

Bản án số: 264/2023/HS-PT

Ngày: 17/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 268/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Đức H cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HSST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo:

1. Ngô Đức H, sinh ngày 02/02/2005 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn C2, xã Đ1, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Hoàng Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2021 đến nay. Có mặt;

2. Hà Thiên T, sinh ngày 03/11/2005 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn C2, xã Đ1, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Đàm Ch và bà Đặng Thị Thúy M; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2022 đến nay. Có mặt;

3. Tống Thanh Tr, sinh ngày 03/6/2004 tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P1, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Thanh S và bà Trần Thị S1; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2021 đến nay, có mặt.

4. Xa Thị Ánh N, sinh ngày 11/3/2000 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: thôn 6, thị trấn P1, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Nhân viên thẩm mỹ viện; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Xa Văn N và bà Xa Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2022 đến nay. Có mặt;

5. Xa Văn T1, sinh ngày 29/12/1995 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: thôn 6, thị trấn P1, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Xa Văn N và bà Xa Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2022 đến nay. Có mặt;

6. Cù Văn A, sinh ngày 27/9/1990 tại tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: thôn N2, xã Đ, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cù Văn Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị L; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến nay. Có mặt;

7. Nông Xuân H1, sinh ngày 22/5/1997 tại tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: thôn 7, thị trấn P1, huyện N1, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Hứa Thị N; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2022 đến nay. Có mặt;

- **Người bào chữa cho các bị cáo Ngô Đức H, Hà Thiên T và Tống Thanh Tr:** Ông Đinh Văn H2 – Văn phòng Luật sư V thuộc Đ5 luật sư tỉnh Kon Tum; Có mặt;

- **Bị hại:**

+ Anh Bùi Xuân V1, sinh năm 2002 (đã chết); Đại diện của bị hại: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1978; trú tại: Hòa Bình và bà Xa Thị H3, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 6, thị trấn P1, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Bà Hương có mặt.

+ Anh Cù Văn A, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn N2, xã Đ, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Có mặt;

- **Đại diện hợp pháp của bị cáo Hà Thiên T:** Ông Hà Đàm Ch, sinh năm 1978 và bà Đặng Thị Thúy M, sinh năm 1982, cùng trú tại: Thôn C2, xã Đ1, huyện N1, tỉnh Kon Tum. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa Xa Thị Ánh N, Bùi Xuân V1 và Hà Thiên T. Khoảng 21 giờ ngày 01/12/2021, N điện thoại cho T và hẹn nhau đến cổng chào thôn Đ2, xã Đ1, huyện N1 để nói chuyện và giải quyết mâu thuẫn. Nhóm của N gồm: Xa Thị Ánh N, Xa Văn T1, Cù Văn A, Bùi Xuân V1 và Nông Xuân H1 cùng đến điểm hẹn. T1 chở A về nhà lấy 01 ống kim loại bằng sắt màu đen bên trong có con dao hình dạng thanh kiếm cầm theo.

Nhóm của T gồm: T, Ngô Đức H, Tống Thanh Tr, Võ Gia H4, Trần Đăng K, Nguyễn Khắc Đ5, Trương Tô Quang Th và Vũ Đức Ph, đến gần cổng chào, T nhìn thấy nhóm N đông người nên điện thoại cho H đến chở về nhà lấy 01 con dao gấp dài 21,8cm đưa cho H còn T cầm 01 cây gậy sắt ba khúc dài 63,5cm cả hai đến điểm hẹn. Tại cổng chào N và V1 có hỏi “T đâu”, “tại sao đuổi đánh

bạn của N và rượt đuổi mẹ của V1” và xông vào đánh nhau. V1 nắm cổ áo K, H1 đâm vào mặt K. H đến can ngăn cho K thì bị V1, A, H1 đánh H nên dùng dao gấp thủ sẵn đâm trúng ngực V1. Thấy vậy, Tr vào can và nói H đưa dao cho Tr cầm và chạy về phía sau cổng chào đứng. Lúc này, T đến dùng gậy sắt đánh vào những người trong nhóm của N, T1 lao vào giằng co thì bị H4 nhặt đá ném trúng vai. T1 chạy về phía N rút con dao từ trong ống kim loại do N cầm, xông vào chém H nhưng không trúng và điều khiển xe mô tô rượt đuổi H4 và T bỏ chạy về hướng thị trấn P1, T1 tiếp tục cầm kiếm rượt đuổi H và K bỏ chạy về hướng xã P2. Trong lúc đánh nhau, H4 gọi điện cho anh ruột là Ngô Đức H5, nói là H bị đánh ở cổng chào thôn Đ2. H5 chạy xe đến, lao vào giữa N và Cù Văn A đang đứng, dùng tay đâm N và A, A dùng tay đánh lại H5, N dùng ống kim loại đánh trúng mặt H5 chảy máu. Đ5 thấy vậy, đến can ngăn A và bị A dùng tay đánh Đ5, Đ5 đánh lại 01 đến 02 cái vào người A. Còn H4 đâm vào mặt và người của N. Lúc này, Tr đang đứng sau cổng chào nhìn thấy A đang đánh nhau với H5, quay lưng về phía Tr, Tr đang cầm con dao chạy đến đâm liên tục 04 nhát vào lưng và vai của A. T cũng dùng cây gậy sắt đánh vào đầu của A, A đi đến nương nước gần cổng chào ngôi, bị T tiếp tục đánh vào lưng. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H4; Đ5 chở K; H4 và K nhặt đá rượt đuổi và ném vào Xa Văn T1 nhưng không trúng. Cả hai nhóm giải tán.

Bùi Xuân V1, khi bị đâm chạy khỏi hiện trường và được H1 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện và tử vong do vết thương thủng tim. Cù Văn A cũng được đưa tới bệnh viện. T, H4, Đ5, K, H, Tr, H5 về xưởng gỗ tại xã Đ1. Tại đây K nói Tr đưa con dao và rửa sạch vết máu, cất con dao ở xưởng gỗ với mục đích để Cơ quan điều tra không phát hiện hành vi phạm tội của Tr.

Bản giám định số: 232/KLGD-PC09 ngày 10/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Nguyên nhân chết của bị hại Bùi Xuân V1: Vết thương thấu ngực, thủng tim do vật sắc nhọn.

Bản giám định pháp y về thương tích, kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể Cù Văn A 06%; tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nông Xuân H1 là 01%. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSKT-P2 ngày 22/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Hà Thiên T về tội “*Giết người*” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Ngô Đức H, bị cáo Tổng Thanh Tr về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; các bị cáo Xa Thị Ánh N, Xa Văn T1, Võ Gia H4, Nguyễn Khắc Đ5, Nông Xuân H1, Cù Văn A, Ngô Đức H5 về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Đăng K về tội “*Che giấu tội phạm*” theo điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Hà Thiên T, Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr, phạm tội “*Giết người*”.

Các bị cáo Xa Văn T1, Xa Thị Ánh N, Cù Văn A, Nông Xuân H1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- **Áp dụng** điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Đức H** 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/12/2021).

- **Áp dụng** điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hà Thiên T** 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

- **Áp dụng** điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tổng Thanh Tr** 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/12/2021).

- **Áp dụng** điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Xa Thị Ánh N** 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

+ Xử phạt bị cáo **Xa Văn T1** 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

+ Xử phạt bị cáo **Cù Văn A** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/02/2022).

+ Xử phạt bị cáo **Nông Xuân H1** 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự của các bị cáo khác trong vụ án, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2023 và ngày 10/5/2023; các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Xa Thị Ánh N xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng việc bị cáo điện thoại cho Hà Thiên T là do bị hại Bùi Xuân V1 nhờ vả, thúc đẩy nên bị cáo không phải là người khởi xướng như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Xuân V1 là bà Xa Thị Hưởng kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với Hà Thiên T, Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự về thiệt hại tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1 và Xa Thị Ánh N giữ nguyên kháng cáo và khai nhận tội.

+ Đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Xuân V1 là bà Xa Thị Hưởng giữ nguyên kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, của đại diện hợp pháp của bị

hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, của bị cáo, người bào chữa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các lời khai ban đầu của bị cáo Xa Thị Ánh N thể hiện bị cáo Xa Thị Ánh N là người chủ động điện thoại cho Hà Thiên T và hẹn Hà Thiên T đến cổng chào thôn Đ2, xã Đ1, huyện N1 giải quyết mâu thuẫn: *“tại nhà tôi, V1 nói chuyện về việc mẹ V1 và Tuyển bị nhóm của T đánh ...sau đó tôi gọi điện thoại cho T hẹn gặp nhau để giải quyết vụ việc...”*. Lời khai của bị cáo Xa Thị Ánh N phù hợp với lời khai của các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A: *“Chị N bàn bạc với Vỹ đi giải quyết mâu thuẫn với nhóm người ở Đ1...chị N điện thoại hẹn T để giải quyết mâu thuẫn...”*, phù hợp với lời khai của bị cáo Nông Xuân H1: *“N điện thoại cho T hẹn gặp nhau giải quyết...”* và phù hợp với lời khai của Hà Thiên T về việc bị cáo N là người trực tiếp điện thoại cho T nhiều lần và yêu cầu T đến gặp bị cáo N để giải quyết. Do đó, việc bị cáo Xa Thị Ánh cho rằng việc bị cáo điện thoại cho Hà Thiên T là do bị hại Bùi Xuân V1 nhờ vả, thúc đẩy là không có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai khai nhận hành vi hẹn địa điểm và cùng nhau đến cổng chào thôn Đ2, xã Đ1, huyện N1 để giải quyết mâu thuẫn; khi đi đến điểm hẹn các bị cáo xông vào đánh nhau và bị cáo H sử dụng con dao gấp (của T giao cho H) đâm vào ngực bị hại V1 gây ra cái chết; sau đó, Tr cầm dao lấy từ bị cáo H đâm liên tục 04 nhát vào lưng, vai của Cù Văn A và T dùng cây gậy sắt đánh vào đầu và lưng của A gây ra thương tích cho bị hại Cù Văn A với tỷ lệ 06%.

Việc Hà Thiên T rủ bị cáo Ngô Đức H H về nhà lấy dao và việc bị cáo H để dao gấp vào túi quần của H, các bị cáo khác không biết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Hà Thiên T đã phạm vào tội *“Giết người”* theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, bị cáo Ngô Đức H và Tổng Thanh Tr phạm tội *“Giết người”* quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Xa Văn T1, Xa Thị Ánh N, Cù Văn A, Nông Xuân H1, Võ Gia H4, Nguyễn Khắc Đ5, Ngô Đức H5 và Trần Đăng K về tội *“Gây rối trật tự công cộng”* theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1 và Xa Thị Ánh N và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là bà Xa Thị Hường.

[3.1] Đối với kháng cáo của các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1 và Xa Thị Ánh N: Hành vi hẹn địa điểm và rủ rê cùng nhau đi giải quyết mâu thuẫn của các bị cáo trong vụ án này đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng người khác, mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng; thể hiện tính côn đồ, hung

hãn, coi thường pháp luật. Trong vụ án này, nhóm các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1 và Xa Thị Ánh N là nhóm đồng phạm khởi xướng ra sự việc; việc bị hại Bùi Xuân V1 chết và thương tích đối với bị hại Cù Văn A là hậu quả của việc “*hẹn gặp nhau*” của Xa Thị Ánh N; con dao giấu vào ngực bị hại V1 gây ra cái chết của bị hại V1 và 04 vết thương vào lưng, vai bị hại Cù Văn A là do bị cáo Hà Thiên T nhìn thấy nhóm N đông người nên điện thoại cho H đến chở về nhà lấy đem theo.

Vì vậy, sau khi xem xét, đánh giá tính chất vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại V1 và bị hại A xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Xa Thị Ánh N 04 (*Bốn*) năm tù, bị cáo Xa Văn T1 03 (*Ba*) năm tù, bị cáo Cù Văn A 30 (*Ba mươi*) tháng tù và bị cáo Nông Xuân H1 28 (*Hai mươi tám*) tháng tù là phù hợp, có căn cứ và không nặng. Cho nên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1 và Xa Thị Ánh N.

[3.2] Đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Xuân V1 là bà Xa Thị Hương.

- Về kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Hà Thiên T, Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr: Như đã nhận định trên [3.1], các bị cáo Hà Thiên T, Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr phạm tội “*Giết người*” bắt nguồn từ việc “*hẹn gặp nhau*” để giải quyết mâu thuẫn của bị cáo Xa Thị Ánh N là nhóm bị hại Bùi Xuân V1. Mặt khác, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr, Hà Thiên T là người chưa thành niên (*H 16 tuổi 09 tháng 29 ngày; Tr 17 tuổi 5 tháng 28 ngày; T 16 tuổi 28 ngày*). Bị cáo Tổng Thanh Tr và Hà Thiên T phạm tội giết người với thương tích 6% là thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Vì vậy, các bị cáo Hà Thiên T, Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr chỉ phải chịu $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù quy định theo Điều 101 BLHS và các bị cáo Hà Thiên T, Tổng Thanh Tr chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ mức hình phạt tù theo quy định tại khoản 3 Điều 102 BLHS. Bên cạnh đó, trong quá trình tố tụng các bị cáo Hà Thiên T, Ngô Đức H, Tổng Thanh Tr thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bồi thường thiệt hại cho bị hại và gia đình bị hại (*bị cáo H và T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 170.000.000 đồng. Bị cáo Tr bồi thường số tiền 30.00.000 đồng*), thể hiện ăn năn hối cải và được đại diện hợp pháp của bị hại V1 và bị hại A xin giảm nhẹ hình phạt; ông nội của bị cáo Tr được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời, các bị cáo có nhân thân tốt và lần đầu phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, quyết định xử phạt Ngô Đức H 12 (*Mười hai*) năm tù, Hà Thiên T 10 (*Mười*) năm tù, Tổng Thanh Tr 04 (*Bốn*) năm tù là đúng quy định và bảo đảm tính răn đe, giáo dục của pháp luật.

- Về kháng cáo về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, đại diện hợp pháp của bị cáo H, bị cáo T bồi thường cho gia đình bị hại V1 số tiền 170.000.000 đồng nên tại cơ quan điều tra, tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, gia đình bị hại V1 không có yêu cầu bồi thường. Đồng thời, theo lời khai của bà Xa Thị Hường tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum thể hiện trong sổ tiền gia đình bị hại Vỹ nhận của bị cáo H, bị cáo T đã có tiền bồi thường về tổn thất tinh thần: “*tiền chi phí mai táng cho Vỹ cộng với số tiền tổn thất tinh thần là 160 triệu đồng*” (BL 663); tại phiên tòa sơ thẩm, bà Xa Thị Hường thừa nhận đã nhận số tiền 170.000.000 đồng của gia đình các bị cáo và không yêu cầu bồi thường thêm nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật và kháng cáo của bà Xa Thị Hường không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1, Xa Thị Ánh N và kháng cáo của bà Xa Thị Hường. Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1, Xa Thị Ánh N và không chấp nhận kháng cáo của bà Xa Thị Hường; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Ngô Đức H** 12 (*Mười hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 02/12/2021*).

- Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hà Thiên T** 10 (*Mười*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (*ngày 24/01/2022*).

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tống Thanh Tr** 04 (*Bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 02/12/2021*).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Xa Thị Ánh N 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

+ Xử phạt bị cáo **Xa Văn T1 03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

+ Xử phạt bị cáo **Cù Văn A 30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14/02/2022).

+ Xử phạt bị cáo **Nông Xuân H1 28 (Hai mươi tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/01/2022).

- Quyết định về trách nhiệm hình sự của các bị cáo khác trong vụ án, về xử lý vật chứng và về án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Các bị cáo Xa Văn T1, Cù Văn A, Nông Xuân H1, Xa Thị Ánh N; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phước Thanh